

T, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Số: 70/2025/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 175/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản chung vợ chồng và tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Cụ Phan Thị A, sinh 1928

Trú tại: Cụm xxx, thôn I, xã V, huyện T, H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Minh Hiền, sinh 1979

Trú tại: số xxx ngõ xxx phố B, phường B, H, H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Văn Hòa – Văn phòng luật sư Nam Thái Bình Dương – Đoàn Luật sư Thành phố H

1.2 Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh 1968

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, H.

1.3 Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đắc K, sinh năm 1956

- Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm 1956

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971

Đại diện theo ủy quyền của ông K, ông T, bà H, bà T:

Ông Đỗ Minh Hiền, sinh 1979

Trú tại: số 15 ngõ 402 phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, Hai Bà Trưng, H.

- Bà Bùi Hồng L, sinh năm 1962

- Anh Nguyễn Đắc Hoàng L, sinh năm 1991

- Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1997

Đại diện theo ủy quyền cho bà L, anh V:

Anh Nguyễn Đắc Hoàng L, sinh năm 1991

Trú tại: Pxxx Tập thể xxxA, Tập thể B, ngõ xxx phố V, phường C, H.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964

Trú tại: Thiin I, xã V, huyện T, H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận thửa đất số 111, tờ bản đồ số 42 có diện tích 188m² (đo đạc thực tế 177.3m²) tại thiin I, xã V, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 073822 do UBND huyện T cấp ngày 20/12/2004 đứng tên cụ Nguyễn Đắc B là tài sản chung của cụ A và cụ B.

2.2 Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của cụ B và cụ A của các đương sự. Phân chia thửa đất số 111, tờ bản đồ số 42 có diện tích 188m² (đo đạc thực tế 177.3m²) tại thiin I, xã V, huyện T, thành phố H thành 02 phần như sau:

2.2.1 Phần di sản của cụ B có diện tích 88.7m² với tứ cạnh:

- Cạnh phía Bắc có chiều dài 5.22m
- Cạnh phía Nam có chiều dài 3.56m và 1.53m
- Cạnh phía Tây có chiều dài 17.20m
- Cạnh phía Đông có chiều dài 17.41m

2.2.2 Cụ A được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu phần đất có diện tích 88.6m² với tứ cạnh:

- Cạnh phía Bắc có chiều dài 3.76m và 1.61m
- Cạnh phía Nam có chiều dài 5.22m
- Cạnh phía Tây có chiều dài 10.04m và 6.61m
- Cạnh phía Đông có chiều dài 17.20m

2.3 Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Phan Thị A về việc cụ A tặng cho phần diện tích đất của cụ A trong khối tài sản chung của cụ B để lại là 88.6m² cho các bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T được thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu đối với diện tích đất 88.6m² nêu trên. Phần diện tích đất này được đánh dấu bằng các điểm 3', 4, 5, 6, 7, 7' – có sơ đồ kèm theo và có tứ cạnh như sau:

- Cạnh phía Bắc có chiều dài 3.76m và 1.61m

- Cạnh phía Nam có chiều dài 5.22m
- Cạnh phía Tây có chiều dài 10.04m và 6.61m
- Cạnh phía Đông có chiều dài 17.20m

2.4 Các đương sự thống nhất thoả thuận phân chia di sản thừa kế của cụ B như sau:

2.4.1 Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ B là ngày 21/11/2007.

2.4.2 Xác định hàng thừa kế của cụ B gồm:

Cụ Nguyễn Đắc B có vợ là cụ Phan Thị A. Cụ B và cụ A sinh được 07 người con gồm: ông Nguyễn Đắc K, ông Nguyễn Đắc T, ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đắc D.

Ông Nguyễn Đắc D chết 1997 – chết trước thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Đắc B. Ông Nguyễn Đắc D có vợ là bà Nguyễn Thị N và có con là anh Nguyễn Đăng Tùng sinh năm 1991 và chết năm 2013. Anh Nguyễn Đăng Tùng không có vợ, con. Do anh Tùng chết sau cụ Nguyễn Đắc B nên anh Tùng được thừa kế thế vị ông Nguyễn Đắc D. Tuy nhiên, anh Tùng đã chết và không có vợ, con nên bà Nguyễn Thị N được thừa kế kỷ phần thừa kế của anh Tùng được hưởng.

Ông Nguyễn Đắc C chết năm 2020 - chết sau thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Đắc B nên ông Chuân được hưởng thừa kế của cụ B. Ông Chuân có vợ là bà Bùi Hồng L và có hai con là anh Nguyễn Đắc Hoàng L, Nguyễn Quang V. Do ông Chuân đã chết nên bà Bùi Hồng L, anh Nguyễn Đắc Hoàng L, anh Nguyễn Quang V là những người được kế thừa quyền hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Đắc C.

Như vậy, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ B có 08 người gồm: Cụ Phan Thị A, ông Nguyễn Đắc K, ông Nguyễn Đắc T, ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T. Ông Nguyễn Đắc C đã chết nên vợ là Bùi Hồng L, có hai con Nguyễn Đắc Hoàng L, Nguyễn Quang V là những người được kế thừa quyền hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Đắc C. Anh Nguyễn Đăng T được hưởng thừa kế thế vị của ông D, anh T chết không để lại di chúc, không có vợ, con nên bà Nguyễn Thị N được hưởng kỷ phần thừa kế của anh Tùng.

2.4.3 Xác định mỗi người thừa kế được chia hưởng một kỷ phần thừa kế. Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đắc B để lại là 88.7m² x 70 triệu đồng = 6.209.000.000 đồng. Xác định một kỷ phần thừa kế có giá trị là: 6.209.000.000 đồng : 08 = 776.125.000đồng.

2.4.4 Ghi nhận sự tự nguyện của cụ A tặng cho kỷ phần thừa kế của cụ A được hưởng trong khối di sản thừa kế cụ B để lại cho các bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T.

2.4.5 Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Hồng L, anh Nguyễn Đắc Hoàng L, anh Nguyễn Quang V tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng trong khối di sản thừa kế của cụ B để lại cho bà Nguyễn Thị N.

2.4.6 Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc để toàn bộ phần diện tích đất là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đắc B thành tài sản chung của ông Nguyễn Đắc K, ông Nguyễn Đắc T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị N.

2.4.6.1 Xác định tỉ lệ sở hữu của từng người trong khối tài sản chung như sau:

- Ông Nguyễn Đắc K, ông Nguyễn Đắc T sở hữu 01 phần có giá trị là 776.125.000 đồng. (mỗi người có tỉ lệ quyền sở hữu 12.5% trong khối tài sản chung).

- Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T mỗi người được sở hữu 1.33 phần có giá trị là 1.034.833.000 đồng (mỗi người có tỉ lệ sở hữu 16.7% trong khối tài sản chung).

- Bà Nguyễn Thị N hưởng 02 kỷ phần thừa kế có giá trị 1.552.250.000 đồng (có tỉ lệ quyền sở hữu 25% trong khối tài sản chung).

Ông Nguyễn Đắc K, ông Nguyễn Đắc T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị N được thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu đối với diện tích đất 88.7m² (được đánh dấu bằng các điểm 1,2,3,3',7',1 – có sơ đồ kèm theo), có tứ cạnh như sau:

- Cạnh phía Bắc có chiều dài 5.22m
- Cạnh phía Nam có chiều dài 3.56m và 1.53m
- Cạnh phía Tây có chiều dài 17.20m
- Cạnh phía Đông có chiều dài 17.41m

3. Về án phí: Xác định tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đắc B để lại và tiến hành phân chia cho hàng thừa kế thứ nhất là 6.209.000.000 đồng. Do các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên mỗi người hưởng di sản thừa kế phải chịu 8.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Hồng L, anh Nguyễn Đắc Hoàng L và anh Nguyễn Quang V liên đới tự nguyện chịu 8.157.000 đồng : 3 = 2.719.00 đồng – mỗi người chịu 2.719.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ Phan Thị A phải chịu thêm án phí dân sự có giá ngạch đối với 6.209.000.000 đồng giá trị tài sản chung được hưởng là 57.150.000 đồng.

Do cụ Phan Thị A, ông Nguyễn Đắc Khiêm, ông Nguyễn Đắc T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Bùi Hồng L là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí

nên miễn án phí các đương sự trên.

Như vậy, bà Nguyễn Thị C phải chịu 8.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Đắc Hoàng L và anh Nguyễn Quang V, mỗi người phải chịu 2.719.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí cho các đương sự còn lại.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương